

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2359/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 16/11/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH T, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh P;
2. Bà Nguyễn Thị Bình T.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu H - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Bình T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng A - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 844/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Lê T**, sinh năm 1963 (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 87/44/41 Đinh Tiên H, Phường 3, Quận Bình T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Ngô Lê T và Nguyễn Văn S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/1981 tại Ủy ban nhân dân Quận Bình T, Thành phố H. Quá trình chung sống, ông bà có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 17/9/1981 và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 28/2/1985. Ngày 02/5/2018, bà Ngô Lê T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn S với lý do mâu thuẫn vợ chồng, không còn tin tưởng yêu thương nhau; các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa ghi nhận những vấn đề sau đây:

Nguyên đơn trình bày tại Bản khai ngày 12/6/2018, 02/11/2018 và các Biên bản tại Tòa án: Sau khi kết hôn, bị đơn không còn thương yêu, tôn trọng và không xem nguyên đơn là người vợ. Bị đơn không thể hiện trách nhiệm của người chồng trong việc chăm lo đời sống, nuôi dạy con cái. Đến năm 1996, bị đơn bị bệnh, không đi làm, toàn bộ kinh tế gia đình do nguyên đơn gánh vác. Trong khi đó, bị đơn thường xuyên có hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nguyên đơn. Vì các con nên nguyên đơn cố gắng nhịn nhục chịu đựng. Trong suốt thời gian này, tình cảm của nguyên đơn dần rạn nứt do bị đơn nhục mạ, nói xấu, đặt điều thị phi vượt quá sức chịu đựng của nguyên đơn. Tháng 6/2018, bị đơn bỏ nhà đi không rõ nơi đến. Nay các con đã trưởng thành, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn để có những ngày tháng sau này sống thanh thản. Nguyên đơn xác định hiện nay không còn tình cảm với bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn trình bày tại bản khai ngày 12/6/2018: Bị đơn xác định cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc từ năm 1981. Hiện nay hai vợ chồng mâu thuẫn nhưng chưa tới mức ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì muốn sống chung với các con và cháu. Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để yêu cầu giao nộp chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình T, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

[1] Về tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Xét các đương sự tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong hôn nhân nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo trả lời xác minh ngày 03/7/2018 của Công an Phường 3, Quận Bình T, bị đơn ông Nguyễn Văn S có hộ khẩu thường trú tại 87/44/41 Đình Tiên H, phường 3, Quận Bình T, Thành phố H nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, từ tháng 6/2018 đi đâu không rõ. Xét tại thời điểm thụ lý vụ án tháng 5/2018, bị đơn cư trú tại Quận Bình T. Trong quá trình giải quyết bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ, nguyên đơn cũng không biết nơi cư trú mới của bị đơn nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1,

khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Bình T.

1.2 Xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

1.3 Thu thập chứng cứ:

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được ghi nhận trong Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/6/2018 và 09/10/2018.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bản chính giấy công nhận kết hôn số 25 Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Quận Bình T, Thành phố H cấp ngày 17/8/1981 cho ông Nguyễn Văn S và bà Ngô Lệ T, có đủ căn cứ xác định đây là hôn nhân là hợp pháp.

Xét, hôn nhân của nguyên và bị đơn tồn tại trong thời gian dài. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày thì sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do bị đơn không yêu thương, tôn trọng, thường xuyên có hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nguyên đơn. Vì các con nên nguyên đơn cố gắng chịu đựng chung sống với bị đơn. Trong suốt thời gian này, tình cảm của nguyên đơn dần rạn nứt, cuộc sống nhiều thị phi vượt quá sức chịu đựng. Nguyên đơn cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bị đơn không thay đổi. Điều này cho thấy nguyên đơn cố gắng hàn gắn tình cảm và hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Về phía bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, bị đơn chỉ đến Tòa án một lần và có lời khai không đồng ý ly hôn, mục đích chỉ để chung sống với các con và cháu mà không đề cập đến tình cảm, thể hiện mong muốn chung sống với nguyên đơn. Bị đơn cũng xác định là hai bên có mâu thuẫn nên bị đơn đã về nhà mẹ đẻ của mình. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để hòa giải đoàn tụ, động viên các bên hàn gắn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn, đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù địa phương chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn giữa các đương sự nhưng cuộc sống gia đình nhất thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên; vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng nguyên đơn và bị đơn không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm, vi phạm Điều 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 19, 21, 22, 23 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, nguyên đơn xác định hiện nay không còn tình nghĩa với nguyên đơn nên không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân cần được xây dựng

trên cơ sở tự nguyện. Nay nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, không muốn chung sống chứng tỏ mâu thuẫn giữa các bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét lý do của bị đơn trình bày không muốn ly hôn vì để sống chung với con cháu mà không thể hiện được tình cảm, trách nhiệm và mong muốn được chung sống với vợ là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Theo bản sao giấy khai sinh số 137/1981 Quyền số 01/1981 do Ủy ban nhân dân Quận Bình T cấp cho bà Nguyễn Ngọc Hoàng A ngày 28/8/1981 và giấy khai sinh số 53/1985 quyền số 01/1985 ngày 19/4/1985 cấp cho bà Nguyễn Ngọc Anh T thể hiện các con chung của đương sự hiện đã trưởng thành, hai bên đương sự thống nhất trình bày hai con đều có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình T chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, các Điều 63, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 13 của Luật Hôn nhân và gia đình ngày 29/12/1959, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình ngày 29/12/1986;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 22, 23, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/6/2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Ngô Lệ T và ông Nguyễn Văn S ly hôn.

Giấy công nhận kết hôn số 25 Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Quận Bình T, Thành phố H cấp ngày 17/8/1981 cho ông Nguyễn Văn S và bà Ngô Lệ T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận việc bà Ngô Lệ T, ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Lệ T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004524 ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Bình T. Dương sự đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- UBND Q. Bình T (1);
- TAND TP. H (1);
- VKSND Q. Bình T (2);
- CCTHADS Q. Bình T (3);
- Lưu VP, HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng T